



BỆNH VIỆN MẮT
ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỐC - DƯỢC LÂM SÀNG



BẢN TIN

DƯỢC LÂM SÀNG

Số 2 - Năm 2020



LƯU HÀNH NỘI BỘ

 280 Điện Biên Phủ, P. 7, Quận 3, TP.HCM

 028. 39325374

 <http://benhvienmat.com>

MỤC LỤC

1. PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC (ADR)	1
2. THÔNG TIN THUỐC	2
2.1. Tổng kết công tác hoạt động thông tin thuốc.	2
2.2. Thông tin Dung dịch tiêm Bupivacain WPW Spinal 0,5% Heavy.	3
2.3. Thông tin thuốc được hưởng bảo hiểm y tế.	3
2.4. Thông tin thuốc thu hồi, đình chỉ lưu hành.	4
3. CẢNH GIÁC DƯỢC	6
4. GIÁM SÁT SỬ DỤNG THUỐC	7
4.1. Giám sát kê đơn thuốc ngoại trú	7
4.2. Khuyến cáo dược lâm sàng	9
5. CHUYÊN ĐỀ: MỘT SỐ THUỐC NHỎ MẮT ĐẶC BIỆT TẠI BỆNH VIỆN	10



1. PHẢN ỨNG CÓ HẠI CỦA THUỐC (ADR)

Quý 2 năm 2020 ghi nhận có 2 báo cáo ADR ở 2 khoa (*bảng 1*), trong đó có 1 ca dị ứng Fluorescein và 1 ca dị ứng Zinacef không nghiêm trọng. Sau khi xử trí thì các bệnh nhân đều hồi phục không có di chứng. Tất cả các báo cáo ADR thu nhận đã được Khoa Dược gửi lên Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc để xử lý, thẩm định theo quy định của Bộ Y Tế.

Bảng 1. Tóm tắt các báo cáo phản ứng có hại của thuốc tại Bệnh viện Mắt

Ca 1 - Khoa Chẩn đoán hình ảnh	
Thông tin Bệnh nhân	Tên: T Đ Giới tính: Nam Tiền sử: Không Ngày nhập viện: 05/05/2020 Ngày xảy ra phản ứng: 05/05/2020 Tuổi: 59 tuổi Cân nặng: 58kg
Chẩn đoán và điều trị	Chẩn đoán bệnh về mắt
Thông tin về thuốc nghi ngờ ADR - Mối liên quan giữa thuốc và ADR	Dung dịch tiêm Fluorescein 20% (1g/5ml); Công ty Monico S.P.A; Số lô: 19GA372. Mối liên hệ giữa thuốc và ADR: Gửi trung tâm DI&ADR thẩm định.
Bệnh cảnh lâm sàng	Sau khi tiêm thuốc Fluorescein 20% khoảng 6 - 7 phút, bệnh nhân có biểu hiện ngứa rồi vã mồ hôi. Huyết áp: 80/50 mmHg, Mạch: 60 lần/phút. Bệnh nhân không khó thở.
Các thuốc sử dụng đồng thời	Không
Cách xử trí ADR - kết quả sau khi xử trí	Xử trí: Solu-medrol 40mg - 01 ống (tiêm tĩnh mạch), nằm nghỉ theo dõi tiếp. Vào lúc 15h20, huyết áp: 100/60 mmHg. Bệnh nhân không mệt, không khó thở.
Mức độ nghiêm trọng của phản ứng	Không nghiêm trọng
Ca 2 - Phòng mổ lần 4	
Thông tin Bệnh nhân	Tên: M T T Giới tính: Nữ Ngày nhập viện: 20/07/2020 Ngày xảy ra phản ứng: 20/07/2020 Tuổi: 61 tuổi Cân nặng: 46 kg
Chẩn đoán và điều trị	Theo phác đồ phẫu thuật

Thông tin về thuốc nghi ngờ ADR - Mối liên quan giữa thuốc và ADR	- Thuốc bột pha tiêm Zinacef (Cefuroxime 750mg); Cty Dược phẩm Glaxo Smith Kline (GSK); Số lô: R54G. - Mối liên hệ giữa thuốc và ADR: Có khả năng (theo WHO).
Bệnh cảnh lâm sàng	- Sau khi mổ xong 10 phút, người bệnh ngứa toàn thân, nổi mẩn đỏ ở vùng mặt và 2 cánh tay. - Người bệnh than tê rần 2 tay và 2 chân. Mạch: 96 lần/phút, HA: 140/80 mmHg.
Các thuốc sử dụng đồng thời	Không
Cách xử trí ADR - kết quả sau khi xử trí	- Thở oxy qua sonde mũi 3 lít/phút - Pipolphen 50mg/2ml x 1 ống (tiêm bắp) - Solu-Medrol 125mg x 1 ống (tiêm tĩnh mạch)
Mức độ nghiêm trọng của phản ứng	Không nghiêm trọng

Tổng kết công tác báo cáo ADR tại Bệnh viện Mắt quý 2 năm 2020: số lượng báo cáo ADR gửi về Khoa Dược vẫn còn ít, bên cạnh đó lưu ý các thuốc có nguy cơ cao gây ADR như các kháng sinh đường tiêm (cefotaxim, ceftazidim, ceftriaxon, vancomycin,...), lidocain, fluorescein, fluorouracil, calci clorid,... → khuyến khích các khoa lâm sàng tiếp tục tăng cường giám sát, theo dõi, xử trí và báo cáo các tác dụng không mong muốn của thuốc gửi về Khoa Dược.

2. THÔNG TIN THUỐC

2.1. Tổng kết công tác hoạt động thông tin thuốc

Trong quý 2 năm 2020, Khoa Dược đã thực hiện hoạt động thông tin thuốc - cảnh giác được như sau:

- Bài viết đăng trên website bệnh viện: 05 bài.
 - + Tháng 04/2020: FDA phê duyệt sử dụng dạng bào chế mới Bimatoprost implant (DurystaTM).
 - + Tháng 05/2020: Bản tin Cảnh giác Dược số 01-2020 của Trung tâm DI & ADR Quốc gia.
 - + Tháng 06/2020: Bản tin Dược lâm sàng số 01-2020 của Bệnh viện Mắt.
 - + Tháng 07/2020: Tổng hợp số lượng báo cáo ADR từ các cơ sở khám, chữa bệnh (giai đoạn 11/2019 – 04/2020) của Trung tâm DI & ADR Quốc gia.
 - + Tháng 08/2020: Thông tư 15/2020/TT-BYT “Ban hành Danh mục thuốc đầu thầu, Danh mục thuốc đầu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá”.
- Phát hành Bản tin Dược lâm sàng số 01-2020.
- Phát hành Bản tin Dược lâm sàng số 02-2020.
- Trả lời thông tin thuốc: 04 bản; Hình thức: Trực tiếp và văn bản.
- Sinh hoạt chuyên môn:
 - + Sinh hoạt chuyên môn cập nhật kiến thức chuyên môn cho nhân viên khoa dược.
 - + Phối hợp với Phòng Điều dưỡng tổ chức 02 buổi sinh hoạt chuyên môn với các điều dưỡng và kỹ thuật viên ngày 19/06/2020 và ngày 02/07/2020. Chủ đề: Phản ứng có hại của thuốc (ADR).
 - + Báo cáo thông tin thuốc - dược lâm sàng quý 1 cho các Bác sĩ ngày 12/06/2020.

2.2. Thông tin Dung dịch tiêm Bupivacain WPW Spinal 0,5% Heavy

Cập nhật công văn số 9456/QLD-CL ngày 30/06/2020 của Cục quản lý Dược (Bộ Y tế) v/v xử lý dung dịch tiêm Bupivacaine WPW Spinal 0,5% Heavy, SĐK: VN-20879-17 do Warsaw Pharmaceutical Work Polfa S.A (Poland) sản xuất, công ty CPDP TW CPC1 nhập khẩu, kết quả kiểm nghiệm các lô thuốc **06DB0919, 07DB0919 và 08DB0919 đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký và Cục quản lý Dược cho phép sử dụng bình thường.**

Tuy nhiên để đảm bảo an toàn cho người bệnh, cần phải kiểm tra cảm quan thuốc trước khi sử dụng; không sử dụng thuốc nếu có dấu hiệu nghi ngờ không đảm bảo chất lượng. Đồng thời báo cáo ngay các trường hợp xảy ra ADR liên quan đến thuốc.

2.3. Thông tin thuốc được hưởng bảo hiểm y tế

Cập nhật thông tư số 01/2020/TT-BYT ngày 16/01/2020 về sửa đổi, bổ sung Thông tư số ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế (bảng 2).

Bảng 2. Các thuốc được hưởng bảo hiểm y tế theo thông tư số 01/2020/TT-BYT

TT	Hoạt chất	Tên thương mại tại BV Mắt	Thông tư 30/2018/TT-BYT	Thông tư 01/2020/TT-BYT
1	Omeprazol	Lasectil 40mg (tiêm) Omeptul 20mg (viên)	Quỹ BHYT thanh toán theo chỉ định trong tờ HDSD thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép và chỉ định dự phòng loét dạ dày tá tràng, xuất huyết tiêu hóa tại dạ dày, tá tràng do stress ở bệnh nhân hồi sức tích cực.	Quỹ BHYT thanh toán theo chỉ định trong tờ HDSD kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế hoặc chỉ định dự phòng loét dạ dày tá tràng, xuất huyết tiêu hóa tại dạ dày, tá tràng do stress ở bệnh nhân hồi sức tích cực.
2	Ranibizumab	Lucentis 10mg/ml (tiêm)	Quỹ BHYT thanh toán điều trị tại khoa mắt của các bệnh viện hạng đặc biệt; bệnh viện chuyên khoa mắt hạng I, II.	Quỹ BHYT thanh toán điều trị tại khoa mắt của các bệnh viện hạng đặc biệt; bệnh viện chuyên khoa mắt hạng I, II; Bệnh viện Hữu Nghị, Thống Nhất và C Đà Nẵng đối với đối tượng theo Hướng dẫn số 52-HD/BTCTW đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại bệnh viện.

2.4. Thông tin thuốc thu hồi, đình chỉ lưu hành

Bảng 3. Thuốc thu hồi, đình chỉ lưu hành

Số công văn	Tên thuốc	Nội dung	SĐK, Số lô sản xuất, Hạn dùng	Công ty sản xuất – nhập khẩu
4693/QLD-CL ngày 22/04/2020	Thuốc viên nén ALZYLTEX (Cetirizin 2HCl 10mg)	Thu hồi thuốc viên nén ALZYLTEX (Cetirizin 2HCl 10mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Độ hòa tan (vi phạm mức độ 3)	SĐK: VD-30582-18 Số lô: 0219 NSX: 22/03/2019 HD: 22/03/2023	CSSX: Cty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế
5576/QLD-CL ngày 04/05/2020	Thuốc viên nén Renapril 10mg (Enalapril maleate 10mg)	Thu hồi thuốc viên nén Renapril 10mg (Enalapril maleate 10mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Tạp chất liên quan	SĐK: VN-18124-14 Số lô: 279318 NSX: 28/08/2018 HD: 28/08/2020	CSSX: Cty Balkanpharma – Dupnitsa AD (Bulgaria) CSNK: Cty CP. XNK Y tế TP.HCM (Yteco)
5555/QLD-CL ngày 04/05/2020	Thuốc Dekasiam (Acid acetylsalicylic 100mg)	Thu hồi thuốc Dekasiam (Acid acetylsalicylic 100mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Độ hoà tan, tạp chất liên quan, định lượng (vi phạm mức độ 2)	SĐK: VD-22510-15 Số lô: 101218 HD: 13/12/2020	CSSX: Cty Cổ phần Dược phẩm Sao Kim
6518/QLD-CL ngày 22/05/2020	Thuốc viên nén bao phim Tormeg-20 (Atorvastatin 20mg)	Thu hồi thuốc viên nén bao phim Tormeg-20 (Atorvastatin 20mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Định lượng (vi phạm mức độ 3)	SĐK: VN-18783-15 Số lô: 0807065 NSX: 22/10/2018 HD: 22/10/2020	CSSX: Cty Pharmathen S.A, Greece CSNK: Chi nhánh Cty CP. Dược phẩm TBYT Hà Nội (Hapharco)
6526/QLD-CL ngày 25/05/2020	Thuốc viên nén Captopril (Captopril 25mg)	Thu hồi thuốc viên nén Captopril (Captopril 25mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu tạp chất Captopril disulfid (vi phạm mức độ 2)	SĐK: VD-20545-14 Số lô: 0119 NSX: 22/02/2019 HD: 22/02/2022	CSSX: Cty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế

11152/QLD -CL ngày 21/07/2020	Thuốc viên nén Tetracyclin TW3 (Tetracyclin 250mg)	Thu hồi thuốc viên nén Tetracyclin TW3 (Tetracyclin 250mg). Lý do các lô thuốc 0320, 3919 không đạt tiêu chuẩn	SĐK: VD-28109-17 Số lô: 0320, 3919	CSSX: Cty cổ phần dược phẩm Trung ương 3
		chất lượng (đối chiếu hồ sơ lô sản xuất và mẫu lưu lô thuốc do công ty dược TW3 cung cấp thì các lô nêu trên là giả)		
11167/QLD -CL ngày 21/07/2020	Thuốc Eudoxime 100 (Cefpodoxim 100mg)	Thu hồi thuốc bột pha hỗn dịch uống Eudoxime 100 (Cefpodoxim 100mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Tính chất, hàm lượng nước (vi phạm mức độ 3)	SĐK: VD-20656-14 Số lô: 010618 NSX: 19/06/2018 HD: 18/06/2020	CSSX: Cty cổ phần Dược phẩm Am Vi
11186/QLD -CL ngày 22/07/2020	Thuốc viên nén bao phim Sedtyl (Desloratadin 5mg)	Thu hồi thuốc viên nén bao phim Sedtyl (Desloratadin 5mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Tạp chất liên quan (vi phạm mức độ 2)	SĐK: VD-25077-16 Số lô: 03M19 NSX: 25/11/2019 HD: 25/11/2022	CSSX: Công ty TNHH BRV Healthcare
11170/QLD -CL ngày 21/07/2020	Thuốc Bivantox (Acid alpha lipoic 600mg)	Thu hồi thuốc Bivantox (Acid alpha lipoic 600mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Độ hoà tan và định lượng	SĐK: VD-20831-14 Số lô: 19001 NSX: 29/01/2019 HD: 28/01/2022	CSSX: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I (Pharbaco)
11444/QLD -CL ngày 24/07/2020	Thuốc viên nén Navacarzol 5mg (Carbimazole 5mg)	Thu hồi thuốc viên nén Navacarzol 5mg (Carbimazole 5mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Độ dày, độ cứng, độ hoà tan, định lượng (vi phạm mức độ 2)	SĐK: VN-17813-14 Số lô: 180513/2 NSX: 11/2018 HD: 10/2021	CSSX: Cty Industria Farmaceutica Nova Argentina S.p.A (Italy) CSNK: Cty cổ phần dược phẩm Thiên Thảo
11924/QLD -CL ngày 30/07/2020	Thuốc Genpharmason (mỗi 10g chứa: Betamethason dipropionat 6,4mg; Gentamycin sulfat	Thu hồi thuốc Genpharmason. Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Định tính Betamethason dipropionat,	SĐK: VD-16741-12 Số lô: 022020 NSX: 02/06/2020	CSSX: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco

	tương đương Gentamycin 10mg; Clotrimazol 100mg)	định lượng Betamethason dipropionat và Clotrimazol (vi phạm mức độ 2)	HD: 02/06/2023	
12222/QLD -CL ngày 04/08/2020	Thuốc viên nén bao đường Detracyl 250 (Mephenesin 250mg)	Thu hồi thuốc viên nén bao đường Detracyl 250 (Mephenesin 250mg). Lý do mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Tính chất	SĐK: VD-20186-13 Số lô: 61100718 NSX: 10/07/2018 HD: 10/07/2021	CSSX: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long

CÁC THUỐC TRÊN KHÔNG CÓ TRONG BỆNH VIỆN

Nguồn: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

3. CẢNH GIÁC DƯỢC

Bảng 4. Tổng hợp các điểm tin cảnh giác dược từ Trung tâm DI & ADR Quốc gia

Điểm tin	Thuốc	Nội dung
Điểm tin từ WHO Pharmaceuticals Newsletter số 1-2020	Thuốc nhỏ mắt Prednisolone	Nguy cơ tiềm ẩn của tác dụng toàn thân Cơ quan Medsafe của New Zealand đã nhận báo cáo về chứng loạn thần và trạng thái lú lẫn trên một bệnh nhân sau khi bắt đầu điều trị với thuốc nhỏ mắt này. Trẻ sơ sinh, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú và bệnh nhân lớn tuổi có nguy cơ cao gặp các ADR toàn thân. Sự hấp thu thuốc toàn thân được giảm đáng kể bằng cách: giữ mi mắt đóng sau khi nhỏ thuốc, tạo áp lực nhẹ lên trên ống dẫn lệ.
Điểm tin từ WHO Pharmaceuticals Newsletter số 2-2020	Kháng sinh nhóm Fluoroquinolone	Cảnh báo tác dụng không mong muốn của kháng sinh nhóm Fluoroquinolone - Nguy cơ phình và bóc tách động mạch chủ - Rối loạn đường huyết - Phản ứng có hại đến thần kinh như loạn tâm thần nghiêm trọng, những phản ứng loạn tâm thần phát triển đến mức độ có ý nghĩ tự sát, ảo giác hoặc hoang tưởng.
Điểm tin cảnh giác dược ngày 06/03/2020	Kháng viêm Corticosteroid	Sử dụng corticosteroid trong điều trị viêm phổi mắc phải tại cộng đồng (CAP) Hướng dẫn điều trị mới của ATS/IDSA (2019) khuyến cáo không nên sử dụng corticosteroid như một thuốc hỗ trợ trong điều trị CAP và viêm phổi do virus cúm, ngoại trừ các tình trạng bệnh lý khác cần sử dụng như hen phế quản, COPD hoặc bệnh tự miễn. Tuy nhiên nên sử dụng corticosteroid cho CAP có sốc nhiễm trùng kháng trị.

Điểm tin đáng chú ý từ bản tin Prescriber Update tháng 6/2020	Tramadol	Chống chỉ định cho trẻ dưới 12 tuổi và cần theo dõi bệnh nhân trên 75 tuổi. - Sử dụng thận trọng tramadol ở những bệnh nhân có nguy cơ suy hô hấp. Tránh sử dụng đồng thời với các thuốc benzodiazepin, các chất ức chế tái hấp thu chọn lọc serotonin (SSRIs), thuốc ức chế tái hấp thu serotonin và norepinephrin (SNRI), thuốc ức chế monoamin oxydase (MAOIs), thuốc chống trầm cảm ba vòng và mirtazapin. - Tránh sử dụng tramadol ở những bệnh nhân bị động kinh hoặc những người dễ mắc tình trạng co giật.
Điểm tin cảnh giác được ngày 13/07/2020	Metformin (dạng giải phóng kéo dài)	FDA cập nhật và đưa ra thông báo liên quan đến nhiễm tạp chất NDMA trong các thuốc chứa metformin FDA đưa ra cảnh báo công ty tự nguyện thu hồi metformin giải phóng kéo dài vì có thể chứa NDMA với hàm lượng vượt ngưỡng cho phép. Bệnh nhân có thể tiếp tục sử dụng đến khi được kê đơn thuốc thay thế. FDA khuyến cáo tiếp tục kê đơn chế phẩm metformin khác; kết quả kiểm nghiệm không xác định NDMA trong các metformin giải phóng ngay (dạng kê đơn phổ biến nhất).
Điểm tin từ WHO Pharmaceuticals Newsletter số 3-2020	Ginkgo biloba L.	Ginkgo biloba L. và nguy cơ loạn nhịp tim Hiện tại, chưa rõ cơ chế làm tăng nguy cơ loạn nhịp tim; tuy nhiên, số lượng, tính chất và sự đa dạng (xuất xứ, sản phẩm liên quan) trong các báo cáo cho thấy tín hiệu cảnh báo mối liên quan với nguy cơ loạn nhịp tim.
	Aciclovir và tiền chất valaciclovir	Tờ thông tin sản phẩm của acyclovir (Zovirax®) và valaciclovir (Valtrex®) sẽ được bổ sung tác dụng không mong muốn viêm ống thận mô kẽ
Điểm tin cảnh giác được ngày 31/07/2020	Thuốc giảm đau không kê đơn chứa codein	Health Canada khuyến cáo không nên sử dụng thuốc giảm đau không kê đơn có chứa codein cho người dưới 18 tuổi.

Nguồn: Trung tâm DI & ADR quốc gia, WHO Pharmaceuticals Newsletter

4. GIÁM SÁT SỬ DỤNG THUỐC

Công tác giám sát sử dụng thuốc quý 2 năm 2020 thực hiện trên 46 HSBA nội trú và 250 đơn thuốc ngoại trú ở các khoa, phòng. Kết quả cụ thể (bảng 5):

Bảng 5. Kết quả thực hiện giám sát

Nội dung	Số lượng
Kiểm HSBA	23
Bình bệnh án	23
Bình đơn thuốc nhà thuốc	100
Kiểm đơn thuốc	150
Tổng	296

4.1. Giám sát kê đơn thuốc ngoại trú

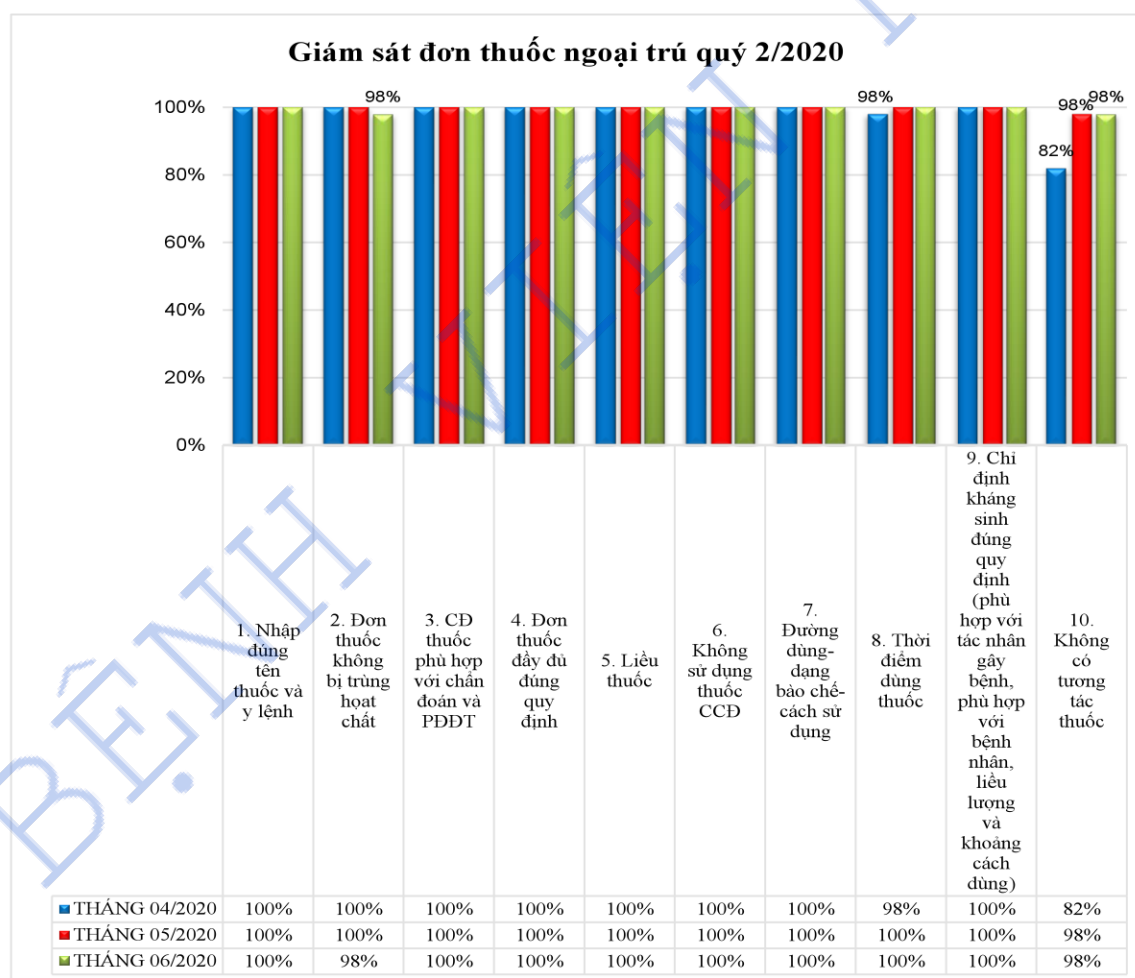
Thực hiện: Lấy ngẫu nhiên 150 đơn thuốc ngoại trú tại kho cấp phát lẻ.

Kết quả cụ thể (bảng 6):

Bảng 6: Kết quả đánh giá chỉ số kê đơn

Chỉ số kê đơn	Tháng 04/2020	Tháng 05/2020	Tháng 06/2020	Trung bình
Số loại thuốc TB/ đơn	5,08	5,06	5,04	5,06
Thuốc tên gốc	28,74%	37,15%	32,54%	32,81%
Kháng sinh uống	80%	98%	90%	89,3%
Kháng sinh nhỏ mắt	90%	90%	90%	90%
Vitamin	2%	4%	2%	2,67%
Thực phẩm chức năng	0%	0%	0%	0%

Kết quả giám sát đơn thuốc theo 10 tiêu chí (hình 1):



Hình 1: Tỷ lệ phần trăm đạt các tiêu chí giám sát đơn thuốc quý 2/2020

Tất cả các tiêu chí đều đạt kết quả tốt từ 80% trở lên, cho thấy các đơn thuốc được kê đầy đủ và đúng quy định.

- Tiêu chí số 2: Đơn thuốc không bị trùng hoạt chất đạt 100% ở tháng 4 và tháng 5, đạt 98% ở tháng 6. **Đơn thuốc có trùng hoạt chất 2% (1/50 đơn) ở tháng 6.** Trong đó đơn kê **Vismed 0,18%** (Natri hyaluronate 1,8mg/ml) 30 ống nhỏ mắt phải ngày 10 lần, lần 1 giọt và **Sanlein 0,1%** (Natri hyaluronate 1mg/ml) 01 lọ nhỏ mắt phải ngày 6 lần, lần 1 giọt.

- Tiêu chí số 8: Thời điểm dùng thuốc đạt 98% ở tháng 4, 100% tháng 5 và tháng 6. **Tháng 4 có 2% (1/50 đơn)** sử dụng các PPI (omeprazol) chưa ghi thời điểm dùng thuốc (Omeprazol nên được uống trước ăn 30 phút) → Khoa Dược đã khai báo thông tin thời điểm dùng thuốc của các thuốc cần thiết trên phần mềm Hsoft để hỗ trợ kê đơn cho các Bác sĩ.
- Tiêu chí số 10: **Không có tương tác thuốc đạt 82% ở tháng 4 (41/50 đơn), 98% ở tháng 5 (49/50 đơn) và 98% ở tháng 6 (49/50 đơn).** Chủ yếu xảy ra các cặp tương tác:
 - + Cặp tương tác giữa fluoroquinolon toàn thân (levofloxacin, ciprofloxacin, ofloxacin...) và corticosteroid toàn thân (methylprednisolon, prednisolon, dexamethason..) (Mức độ Moderate), làm tăng nguy cơ viêm gân và đứt gân. Nguy cơ này càng tăng cao ở người già trên 60 tuổi và người ghép tạng^(4,5,6).
 - + Cặp tương tác thuốc giữa thuốc nhỏ mắt Azopt (Brinzolamide 10 mg/ml) và viên uống Acetazolamide (Mức độ Moderate), gây các rối loạn cân bằng acid-base, rối loạn điện giải, rối loạn tiêu hóa^(4,5,6,7).
 - + Cặp tương tác thuốc giữa Doxycyclin và Vitamin A (Mức độ Major) làm tăng nguy cơ tăng áp lực nội sọ lành tính (nhức đầu, buồn nôn, giảm thị lực)^(1,2,3,4,5,6).

4.2. Khuyến cáo được lâm sàng

- **Vismed 0,18%** (không chất bảo quản) và **Sanlein 0,1%** (có chất bảo quản) **có cùng hoạt chất là Natri hyaluronate chỉ khác nồng độ.** Việc kê hai loại nước mắt nhân tạo có cùng hoạt chất không làm tăng hiệu quả điều trị mà chỉ làm tăng chi phí. Do đó BS cần lưu ý và kiểm tra lại biệt dược và hoạt chất khi kê đơn để tránh trùng lặp hoạt chất.
- Khoa Dược đã đề xuất phòng Công nghệ thông tin bổ sung tính năng cảnh báo thuốc có cùng hoạt chất-đường dùng và cảnh báo các thuốc có hoạt chất cùng nhóm điều trị vào phần mềm Hsoft để hỗ trợ kê đơn cho các Bác sĩ.
- Nên ghi rõ thời điểm dùng thuốc đối với các nhóm thuốc như PPI, NSAID, corticosteroid và thuốc kháng sinh để tăng hiệu quả và giảm tác dụng phụ của thuốc.
- Khoa Dược đã khai báo thông tin hướng dẫn thời điểm dùng thuốc của các thuốc cần thiết và hướng dẫn sử dụng các thuốc đặc biệt trên phần mềm Hsoft để hỗ trợ kê đơn cho các Bác sĩ.
- Cảnh báo tương tác thuốc:
 - + Thận trọng cặp tương tác thuốc giữa **fluoroquinolon toàn thân (levofloxacin, ciprofloxacin...)** và **corticosteroid toàn thân (methylprednisolon, prednisolon, dexamethason..)** (Mức độ **Moderate**). Corticosteroid làm tăng độc tính của quinolon, đặc biệt làm tăng nguy cơ viêm gân và đứt gân. Nguy cơ này càng tăng cao ở người già trên 60 tuổi và người ghép tạng. **Khi phối hợp hai nhóm thuốc này cần theo dõi chặt chẽ dấu hiệu khởi phát của viêm gân và đau khớp**^(4,5,6).
 - + Tương tác thuốc giữa **thuốc nhỏ mắt Azopt (Brinzolamide 10 mg/ml)** và **các thuốc ức chế carbonic anhydrase dùng đường uống (Acetazolamide)** (Mức độ **Moderate**). Azopt (Brinzolamide 10 mg/ml) là thuốc ức chế carbonic anhydrase mặc dù dùng tại chỗ nhưng hấp thu toàn thân và làm tăng độc tính của các thuốc ức chế carbonic anhydrase dùng đường uống (Acetazolamide) gây các rối loạn cân bằng acid-base, rối loạn điện giải, rối loạn tiêu hóa. **Tránh phối hợp, nếu cần thiết phải sử dụng cần cân nhắc kỹ nguy cơ/lợi ích**^(4,5,6,7).
 - + Tương tác thuốc giữa **Doxycyclin và Vitamin A** (Mức độ **Major**) làm tăng nguy cơ tăng áp lực nội sọ lành tính (nhức đầu, buồn nôn, giảm thị lực). **Tránh phối hợp, nếu cần thiết phải sử dụng cần cân nhắc kỹ nguy cơ/lợi ích và theo dõi các triệu chứng của tăng áp lực nội sọ (đau đầu, buồn nôn, nôn, rối loạn thị giác, giảm thị lực và phù nề)**^(1,2,3,4,5,6). Mặc dù tăng huyết áp nội sọ thường hết sau khi ngừng điều trị nhưng khả năng mất thị lực vĩnh viễn vẫn tồn tại. Do đó, đánh giá nhãn khoa kịp thời nên được thực hiện nếu rối loạn thị giác xảy ra, vì áp lực nội sọ có thể vẫn tăng trong nhiều tuần sau khi ngừng thuốc, bệnh nhân nên được theo dõi cho đến khi ổn định⁽⁶⁾.

Tài liệu tham khảo

1. *Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định (Bộ y tế)*
2. *Dược thư quốc gia 2018*
3. *Hướng dẫn sử dụng kháng sinh (Ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015)*
4. *AHFS*
5. *Uptodate*
6. *Drugs.com*
7. *<https://www.accessdata.fda.gov>*

5. CHUYÊN ĐỀ: MỘT SỐ THUỐC NHỎ MẮT ĐẶC BIỆT TẠI BỆNH VIỆN

Theo định nghĩa của Dược điển Việt Nam: “Thuốc nhỏ mắt là dung dịch nước, dung dịch dầu hoặc hỗn dịch vô khuẩn của một hay nhiều hoạt chất, dùng để nhỏ vào mắt. Chế phẩm cũng có thể được bào chế dưới dạng khô (bột, bột đông khô, viên nén) vô khuẩn, được hòa tan hoặc phân tán vào một chất lỏng vô khuẩn thích hợp khi dùng”. Vì vậy, việc lưu ý thành phần bào chế hoặc đặc điểm phân liều của thuốc nhỏ mắt sẽ góp phần nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo độ an toàn để biết cách sử dụng thuốc sao cho hợp lý.

Hướng dẫn sử dụng một số thuốc nhỏ mắt đặc biệt tại bệnh viện như sau:

- Đối với dung dịch thuốc nhỏ mắt phải trong suốt, không có các tiểu phân quan sát được bằng mắt thường. Trong khi, đối với thuốc nhỏ mắt dạng hỗn dịch, nhũ tương có thể lắng đọng khi để yên hoặc tách lớp thì việc lắc kỹ lọ hoặc ống thuốc trước khi sử dụng sẽ giúp thành phần thuốc được phân tán đồng nhất, đem lại tác dụng tối ưu trên mắt.

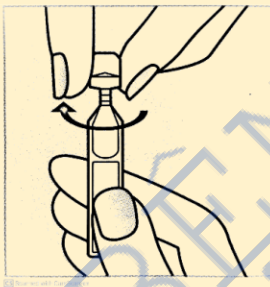
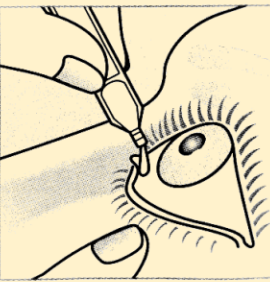
Bảng 7. Danh mục thuốc nhỏ mắt cần lắc lọ hoặc ống trước khi sử dụng

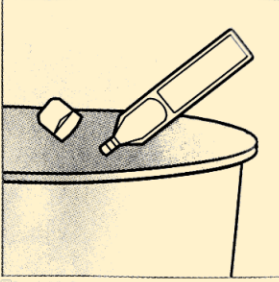
Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Cách sử dụng
Nội trú				 Lắc đều lọ thuốc hoặc ống thuốc trước khi sử dụng
Besivance	Besifloxacin	0,6%	Hỗn dịch	
Azopt	Brinzolamid	1%	Hỗn dịch	
Azarga	Brinzolamid + Timolol	10mg/ml + 5mg/ml	Hỗn dịch	
Maxitrol	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	(1mg + 3.500IU + 6.000IU)/ml	Hỗn dịch	
Tobradex	Dexamethason + Tobramycin	0,3%	Hỗn dịch	
Flumetholon	Fluorometholon	0,02%	Hỗn dịch	
		0,1%	Hỗn dịch	
FML	Fluorometholon	0,1%	Hỗn dịch	
Lotemax	Loteprednol etabonat	0,5%	Hỗn dịch	
Nevanac	Nepafenac	0,1%	Hỗn dịch	
Kary Uni	Pirenixin	0,005%	Hỗn dịch	
Pred Forte	Prednisolon	1%	Hỗn dịch	
Restasis	Cyclosporin	0,05% (0,4ml)	Nhũ tương	
Systane Ultra	Propylen glycol + Polyethylen glycol 400	0,3% + 0,4%	Dung dịch	
Systane Ultra UD		0,3% + 0,4% (0,5ml)	Dung dịch	

Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Cách sử dụng
Nhà thuốc (bao gồm cả các thuốc liệt kê trong phần nội trú)				
Eporon	Fluorometholon	0,1%	Hỗn dịch	
Lotecor	Loteprednol etabonat	0,5%	Hỗn dịch	
Eyrus	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	(1mg + 12,25mg + 6.000UI)/ml	Hỗn dịch	
Natamycin	Natamycin	5%	Hỗn dịch	
Cationorm	Dầu khoáng + glycerol tyloxapol + poloxamer 188 + tris hydroclorid + tromethamin + cetalkonium clorid + nước pha tiêm vđ	1% + 1,6% + 0,3% + 0,1% + 0,071% + 0,006% + 0,002% (0,4ml)	Nhũ tương	

- Đối với thuốc nhỏ mắt dạng ống đơn liều, vì không chứa chất bảo quản nên cần loại bỏ bất kỳ phần thuốc thừa nào không dùng ngay kể từ khi mở ống thuốc (thường sau khi nhỏ vào mắt các giọt thuốc đầu tiên). Tuy nhiên, dựa trên dữ liệu từ nghiên cứu độ ổn định trong quá trình sử dụng, nếu được dùng theo khuyến cáo và đậy nắp lại cẩn thận, thuốc có thể dùng trong vòng 12 - 24 giờ sau khi mở nắp.

Bảng 8. Danh mục thuốc nhỏ mắt chỉ sử dụng trong vòng 12 – 24 giờ sau mở nắp

Cách sử dụng	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế
 1. Vặn rời nắp ống thuốc 	Nội trú			
	Vismed	Natri hyaluronat	0,18% (0,3ml)	Dung dịch
	Sanlein Mini		0,1% (0,4ml)	Dung dịch
	Optive UD	Natri carboxymethyl-cellulose + Glycerin	0,5% + 0,9% (0,4ml)	Dung dịch
	Acuvail	Ketorolac tromethamin	0,45% (0,4ml)	Dung dịch
	Restasis	Cyclosporin	0,05% (0,4ml)	Nhũ tương
	Systane Ultra UD	Propylen glycol + Polyethylen glycol 400	0,3% + 0,4% (0,5ml)	Dung dịch
	Nhà thuốc (bao gồm cả các thuốc liệt kê trong phần nội trú)			
	Hyaluron Eye Drops	Natri hyaluronat	0,1% (0,88ml)	Dung dịch
	Lacrifresh moisture unidose		0,1% (0,4ml)	Dung dịch

Cách sử dụng	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế
2. Nhỏ dịch thuốc vào mắt 	Gilan-Comfort	Natri hyaluronat	0,18% (0,4ml)	Dung dịch
	Gilan Ultra-Comfort		0,3% (0,4ml)	Dung dịch
	Taurine-Solopharm	Taurine	4% (1ml)	Dung dịch
	Cationorm	Dầu khoáng + glycerol tyloxapol + poloxamer 188 + tris hydroclorid + tromethamin + cetalkonium clorid + nước pha tiêm vđ	1% + 1,6% + 0,3% + 0,1% + 0,071% + 0,006% + 0,002% (0,4ml)	Nhũ tương
3. Không được tái sử dụng sau 24 giờ				

- Đối với thuốc nhỏ mắt dạng xịt **Lipotearsha Dry Eyes** (Lipotears HA xịt mí mắt) là một dụng cụ y khoa trong dạng phun xịt cơ bản các micell, acid hyaluronic, vitamin A, vitamin E và chiết xuất Shiso, chỉ định trong trường hợp vùng mí mắt bị kích thích nói chung cùng với khô mắt trong viêm kết mạc và các bệnh về mắt khác do tổn thương lớp lipid của mí mắt.

Cách sử dụng:

- + Lắp và tháo nắp bảo vệ.
- + Khi sử dụng bình xịt lần đầu, cần ấn 3 - 4 lần để đổ đầy bộ phận phân phối.
- + Xịt vào mí mắt đã nhắm kín cách mắt khoảng 10 - 15 cm, phun từ vị trí phía trước - bên.
- + Áp dụng 1 - 2 lần xịt vào mỗi mí mắt, ít nhất 2 - 3 lần một ngày, đặc biệt vào ban đêm, có thể được sử dụng liên tục hàng ngày.
- + Sau khi sử dụng đóng nắp bảo vệ lại (chai có thể được dùng đến 6 tháng sau khi mở).
- + Không nên sử dụng xịt lên mắt với lớp trang điểm không thấm nước.

Thận trọng: KHÔNG XỊT KHI MỞ MẮT

Tài liệu tham khảo:

1. Dược điển Việt Nam V của Bộ Y tế
2. Tờ thông tin sản phẩm của các thuốc tại Bệnh viện Mắt



BẢN TIN DƯỢC LÂM SÀNG

Số 02 - 2020

Chỉ đạo nội dung: ThS.DS. Lê Minh Tuấn

Ban biên tập: ThS.DS. Lê Thị Khánh Châu
DS. Ngô Tuyết Phương
DS. Bùi Thị Thu Ngân

Đơn vị xuất bản: Bệnh viện Mắt

Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 39325374 - (028) 39326732

Fax: (028) 39326163

Website: www.benhvienmat.com

Email khoa Dược: duocbvm02@gmail.com





BỆNH VIỆN MẮT
ĐƠN VỊ THÔNG TIN THUỐC - DƯỢC LÂM SÀNG